

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 193/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 20/6/2018
V/v: Xin ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Thanh Hoàng**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Võ Hoàng Nghiệp**;
2. Ông **Lê Văn Phú**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thảo Ngân** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà **Lâm Thị Thanh Thúy** - Kiểm sát viên.

Trong ngày **20** tháng **6** năm **2018** tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 84/2018/TLST – HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2018 về việc “*Xin ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 137/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Thành P**, sinh năm: 1988.
2. *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị Thúy D**, sinh năm: 1988

Cùng cư trú: tổ 1, ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa ông P, bà D vắng mặt. Riêng ông P có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và bản tự khai ông **Nguyễn Thành P**, trình bày: Hôn nhân của ông và bà D là do tự tìm hiểu, yêu thương nhau, được cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới vào năm 2011 và đăng ký kết hôn vào năm 2012 tại UBND xã V. Cuộc sống hạnh phúc đến năm 2016 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cách nhìn nhận cuộc sống, thường xuyên cãi vã. Hai bên cố gắng hòa giải nhưng không được, không khí gia đình rất ngột ngạt.

Đến tháng 10/2016 thấy không thể tiếp tục chung sống nên ông và bà D đã ly thân nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên ông xin được ly hôn với bà D.

Về con chung: Ông và bà D có 01 con chung tên: Nguyễn Ngọc Hà M, sinh ngày 21/8/2012, hiện do ông nuôi dưỡng, sau khi ly hôn ông yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông và bà D không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bà D từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, mặc dù đã được Tòa án tiến hành tổng đạt và niêm yết công khai thông báo thụ lý và hòa giải nhưng bà vẫn không có mặt và Tòa án đã đến tận nhà của bà để ghi lời khai nhưng do bà không có mặt ở địa phương.

Ngày 12/4/2018 bà D có gửi tờ tường trình (được Ủy ban nhân dân phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương, chứng thực cùng ngày) đến Tòa án với nội dung: Bà và ông P tự tìm hiểu, yêu thương nhau, được gia đình hai bên tổ chức đám cưới vào năm 2011 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã V. Do bà với ông P không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã với nhau. Nay bà cũng đồng ý ly hôn với ông P. Do điều kiện làm ăn xa, bà không có điều kiện tham gia phiên tòa nên xin vắng mặt.

Về quan hệ con chung: Đồng ý với lời trình bày của ông P và đồng ý để cho ông Phú tiếp tục nuôi cháu Hà M và bà không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại phiên tòa hôm nay mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ lần hai nhưng bà D cũng không có mặt, nghĩ nên cần phải tiến hành việc xét xử vắng mặt bà theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong việc thu thập chứng cứ, xác định tư cách của những người tham gia tố tụng là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần Hội đồng xét xử không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa, thời hạn xét xử cũng như thủ tục xét xử được đảm bảo. Về nội dung giải quyết vụ án, xét thấy yêu cầu ly hôn của ông P là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Ông P xin ly hôn với bà D. Bà D hiện đang cư trú tại huyện A, tỉnh An Giang. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

Về quan hệ hôn nhân:

Hôn nhân giữa ông P và bà D có đăng ký kết hôn tại xã V, huyện A, tỉnh An Giang vào năm 2012 nên phát sinh trách nhiệm pháp lý, phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên, nên được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu của ông P xin được ly hôn với bà D, HĐXX xét thấy:

Mặc dù Tòa án không trực tiếp làm việc được với bà D và bà cũng không tham gia hòa giải tại Tòa án. Tuy nhiên qua làm việc với ông P và lời tường trình của bà nộp tại Tòa án nhận thấy mâu thuẫn của ông, bà là thật sự trầm trọng, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, ông bà có thời gian ly thân kéo dài từ năm 2016 đến nay mà không hòa giải được nên dẫn đến ly hôn.

Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài do đó yêu cầu ly hôn của ông P là chính đáng và hoàn toàn có căn cứ để chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Ông P và bà D thống nhất có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Hà M, sinh ngày 21/8/2012, từ trước đến nay do ông Phú chăm sóc. Thêm vào đó, bà D hiện đã bỏ đi làm thuê không có chỗ ở ổn định, cháu M hiện đang theo học tại địa phương nghĩ nên giao con chung cho ông P tiếp tục nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp, không làm xáo trộn về tâm sinh lý và sự phát triển sau này.

Theo quy định, khi ly hôn bên không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, tuy nhiên tại phiên hòa giải ông P không yêu cầu bà D cấp dưỡng nên HĐXX nghĩ nên công nhận sự tự nguyện của ông P.

Hội đồng xét xử cũng giải thích cho ông P biết: Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là không cố định, sẽ có thay đổi khi có yêu cầu chính đáng của một hoặc cả hai bên và trong thời gian nuôi con ông có nghĩa vụ tạo điều kiện cho bà D tới lui thăm con chung, không ai cản trở bà D thực hiện quyền này.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông P và bà D xác định không có tài sản chung và nợ chung.

Về án phí: Ông P phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Các Điều 51, 53, 56, điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành P.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Thành P được xin ly hôn với bà Nguyễn Thị Thúy D.

Về con chung: Ông P được tiếp tục con chung tên Nguyễn Ngọc Hà M, sinh ngày 21/8/2012. Công nhận tự nguyện của ông P về việc không yêu cầu bà D phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông P và những người thân trong gia đình phải tạo điều kiện cho bà D đến thăm con chung, không ai được cản trở bà D thực hiện quyền này.

Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con không cố định sẽ thay đổi khi có yêu cầu chính đáng của một hoặc cả hai bên.

Về án phí: Ông Nguyễn Thành P phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm(được chuyển từ tiền tạm ứng án phí mà ông P đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A theo biên lai thu số 0002851 ngày 12/3/2018).

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (13/6/2018) các bên có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Thời hạn kháng cáo của các đương sự vắng mặt là 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

(Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự).

Nơi nhận:

- VKSND An Phú (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS An Phú (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Thanh Hoàng